

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 18/2019/HS-ST

Ngày 04-4-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN - TỈNH QUẢNG NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Như Biên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Nguyên Thọ

2. Ông Đặng Mậu Tiêng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Công Bá - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2019/TLST-HS ngày 30/01/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HS ngày 05/3/2019, đối với các bị cáo:

1/ Trần Thành P.; Sinh năm: 1965, tại thành phố N., tỉnh Quảng Nam

Nơi cư trú: Tổ A., thôn B., xã C., thành phố N., tỉnh Quảng Nam

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12. Họ và tên cha: Trần Đ.; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị K. (đều đã chết). Họ và tên vợ: Bùi Thị A.; có 02 con, lớn nhất 15 tuổi, nhỏ nhất 06 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 03/01/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ., tỉnh Quảng Nam áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 173, các Điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 17/7/2009 bị Công an Quận S., thành phố Đà Nẵng đưa vào lưu trú tạm thời tại Cơ sở chữa bệnh Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề 05-06 thành phố Đà Nẵng. Ngày 28/8/2009 chấp hành xong.

Bị cáo hiện đang thi hành án phạt tù trong một vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Lê Minh Q.; Sinh năm: 1999, tại thành phố N., tỉnh Quảng Nam;

Nơi đăng ký HKTT: Đường R., phường S., thành phố N., tỉnh Quảng Nam
Nơi cư trú: Tổ 1, khối D., phường T., thành phố N., tỉnh Quảng Nam;
Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không;
trình độ học vấn: 9/12; Họ và tên cha: Lê Anh K.; họ và tên mẹ: Trần Thị Đ.; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai, chưa có vợ con.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 06/9/2018, bị Công an thành phố N. xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (Chưa thi hành hình phạt).

Nhân thân:

- Ngày 03/01/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ., tỉnh Quảng Nam áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 173, các Điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 07/9/2016, bị Công an phường S., thành phố N. xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo hiện đang thi hành án phạt tù trong một vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Ông Vương Hữu N., sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ B, thôn T., xã K., thành phố N., tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Duy Q., sinh năm 1963. Nơi cư trú: Tổ E, thôn B., xã H., thành phố N., tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

- Ông Nguyễn D., sinh năm 1960. Nơi cư trú: Tổ P., thôn S., xã H., thành phố N., tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Tấn C., sinh năm 1967. Nơi cư trú: Đường số 1, thành phố N., tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

- Bà Bùi Thị N., sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn T., xã H., thành phố N., tỉnh Quảng Nam. Có mặt

- Bà Nguyễn Thị L., sinh năm 1979. Nơi cư trú: Khối B, phường 2., thị xã Đ., tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong thời gian từ ngày 06/8/2018 đến ngày 24/8/2018, Trần Thành P. đã nhiều lần cùng với Lê Minh Q. rủ rê, bàn bạc, phân công thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn thành phố N., cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào chiều ngày 12/8/2018, Trần Thành P. dùng xe đạp của vợ là bà Bùi Thị N. chở Lê Minh Q. đi lòng vòng trên các tuyến đường trên địa bàn thành phố N. để trộm cắp tài sản. Khi đi đến Tổ E, thôn B., xã H., thành phố N, cả hai nhìn thấy trong sân nhà của bà Nguyễn Thị N. có để một xe mô tô BKS 43KN -

2459 (xe mô tô này do anh Nguyễn Duy Q. đứng tên chủ phương tiện) nên Q. bảo P. dùng xe đạp lại đứng bên ngoài cảnh giới, còn Q. đi bộ vào trong sân nhà bà N. dẫn xe mô tô BKS 43KN - 2459 ra ngoài đường rồi nổ máy chạy về nhà P. cất giấu. Đến ngày 13/8/2018, cả hai mang xe này đến tiệm mua bán phế liệu “Nhi” của bà Nguyễn Thị L. ở phường H., thành phố N. bán với giá 400.000 đồng, chia nhau tiêu xài. Theo Bản kết luận định giá tài sản số 71/KL-ĐGTS ngày 19/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố N., giá trị xe mô tô BKS 43KN - 2459 là 5.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào sáng ngày 24/8/2018, Lê Minh Q. đến nhà Trần Thành P. chơi, sau đó P. dùng xe đạp của bà N. chở Q. qua xã K., thành phố N. uống cà phê. Tại đây, Q. rủ P. đi lòng vòng tìm ai để tài sản sơ hở thì trộm cắp, P. đồng ý. Khi đi đến khu vực nhà ông Vương Hữu N.. ở tổ B, thôn T., xã K., thành phố N., cả hai phát hiện trong sân nhà ông N. có để một xe mô tô BKS 43C1 - 665.76 (xe này do ông Đặng Ngọc B. đứng tên chủ phương tiện, đã bán lại cho ông Nguyễn Tấn C., nhưng ông C. chưa sang tên đổi chủ), chìa khóa còn cắm trong ổ điện, Q. bảo P. dùng xe đạp lại đứng ngoài cảnh giới, còn Q. đi bộ vào sân dẫn xe mô tô này ra ngoài đường nổ máy, điều khiển về nhà P. cất giấu. Theo Bản kết luận định giá tài sản số 69/KL- ĐGTS ngày 06/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố N., giá trị xe mô tô BKS 43C1 - 665.76 là 6.300.000 đồng.

Sau khi trộm cắp xe mô tô biển số 43C1 - 665.76, P. và Q. dùng xe mô tô này làm phương tiện thực hiện 02 vụ trộm cắp xe đạp điện của bà Trần Thị H. và Phạm Thị Y. tại phường G. và phường Tr., thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Đến ngày 25/8/2018 thì bị Công an thị xã Đ phát hiện và khởi tố.

Ngoài ra, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hội An, Lê Minh Q. còn khai nhận: Vào trưa ngày 06/8/2018, trên đường đi chơi về, khi đi đến nhà ông Nguyễn D. ở tổ P., thôn S., xã H., thành phố N., Q. phát hiện trong sân nhà ông D. có để một xe đạp điện màu đỏ nên nảy sinh ý định trộm cắp. Q. đi bộ vào trong sân nhà, thấy không có ai, xe đạp điện không có chìa khóa nhưng không khóa cổ, Q. đến dẫn xe này ra ngoài đường rồi đạp đến tiệm mua bán phế liệu “Nhi” của bà Nguyễn Thị L. ở phường H., thành phố N. bán với giá 500.000 đồng dùng tiêu xài cá nhân. Theo bản kết luận định giá tài sản số 72/KL-ĐGTS ngày 20/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố N., giá trị xe đạp điện màu đỏ của ông Nguyễn D. là 3.600.000 đồng.

Bản cáo trạng số 16/CT-VKSHA ngày 28/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An truy tố các bị cáo Trần Thành P. và Lê Minh Q. về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai của các bị cáo là phù hợp với lời khai của những người bị hại và các chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Thành P. và Lê Minh Q. về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về những

tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của hai bị cáo: Cả 02 bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra, truy tố, Trần Thành P. và Lê Minh Q. đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự thú nên được áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thành P. từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù; xử phạt bị cáo Lê Minh Q. từ 15 (Mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù và tổng hợp hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho người bị hại là 8.600.000 đồng, trong đó: Trần Thành P. phải bồi thường cho ông Nguyễn Duy Q. 2.500.000 đồng, Lê Minh Q. phải bồi thường cho ông Nguyễn Duy Q. 2.500.000 đồng và cho ông Nguyễn D. 3.600.000 đồng.

Ý kiến của bị cáo Trần Thành P. và Lê Minh Q.: Cả hai bị cáo thống nhất với tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Hai bị cáo đã biết sai, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Lời khai của những bị hại, người liên quan có trong hồ sơ là phù hợp với lời khai của bị cáo về diễn biến vụ án; lời khai của người bị hại Nguyễn Duy Q. và Nguyễn D. có trong hồ sơ vụ án yêu cầu hai bị cáo bồi thường thiệt hại theo các Kết luận định giá tài sản mà các bị cáo đã trộm cắp.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hội An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thành P. và Lê Minh Q. khai nhận: Từ ngày 06/8/2018 đến ngày 24/8/2018, Trần Thành P. và Lê Minh Q. đã có hành vi rủ rê, bàn bạc, phân công tổ chức thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại thành phố N. với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 11.300.000 đồng, trong đó trộm cắp của anh Nguyễn Tấn C. một xe mô tô biển số 43C1 - 665.76 trị giá 5.000.000 đồng, của anh Nguyễn Duy Q. một xe mô tô biển số 43KN - 2459 trị giá 6.300.000 đồng. Ngoài ra, Lê Minh Q. còn trộm cắp của ông Nguyễn D. một xe

đạp điện màu đỏ trị giá 3.600.000 đồng. Lời khai của hai bị cáo là phù hợp ý kiến Kiểm sát viên, ý kiến của bị hại, phù hợp với các Kết luận định giá tài sản số 71/KL-ĐGTS ngày 19/9/2018, số 69/KL-ĐGTS ngày 06/9/2018 và số 72/KL-ĐGTS ngày 20/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N. và các chứng cứ khác đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa.

[3] Bị cáo Trần Thành P. và Lê Minh Q. biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; trước khi thực hiện hành vi phạm tội, hai bị cáo có sự bàn bạc, thống nhất và phân công nhiệm vụ rõ ràng, trong đó bị cáo Trần Thành P. có nhiệm vụ canh giới bên ngoài, bị cáo Lê Minh Q. là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, do đó Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trần Thành P. và Lê Minh Q. đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” có tổ chức theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến xã hội và tình hình an ninh trật tự tại địa phương; cả hai bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần trộm cắp tài sản, nên Hội đồng xét xử cần xử phạt nghiêm mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của hai bị cáo thì thấy: Cả 02 bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Trần Thành P. và Lê Minh Q. đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự thú ra những lần phạm tội trước đó của mình nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong vụ án này, vai trò, nhiệm vụ của hai bị cáo là như nhau, nhưng bị cáo Lê Minh Q. còn tự mình thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe đạp điện của ông Nguyễn D. trị giá 3.600.000 đồng nên bị cáo Q. phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo P.. Cả hai bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, một phần tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt hai bị cáo ở mức dưới khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo. Do cả hai bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù của bản án số 01/2019/HS-ST ngày 03/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt và buộc các bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án.

[5] Tại phần tranh luận, cả hai bị cáo đều thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không tranh luận gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đánh giá.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử cần tuyên buộc hai bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho những bị hại ông Nguyễn Duy Q. và ông Nguyễn D., trong đó bị cáo Trần Thành P. phải bồi thường cho ông Nguyễn Duy Q. 2.500.000 đồng, bị cáo Lê Minh Q. phải bồi thường cho ông Nguyễn Duy Q. 2.500.000 đồng và bồi thường cho ông Nguyễn D. 3.600.000 đồng là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hội An đã trả lại cho ông Nguyễn Tấn C. 01 xe mô tô BKS 43C1 - 665.76 là phù hợp. Đối với xe đạp của bà Bùi Thị N., P. và Q. sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp vào ngày 12/8/2018, bà Bùi Thị N. không biết việc này nên không có cơ sở thu giữ, xử lý. Đối với xe mô tô BKS 43KN - 2459 và xe đạp điện màu đỏ, cả hai bị cáo khai nhận đã bán tài sản này cho bà Nguyễn Thị L. là chủ tiệm mua bán phế liệu “Nhi” ở phường H., thành phố N.. Tuy nhiên qua điều tra, xác minh bà L. không thừa nhận việc mua bán các tài sản này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hội An không thu giữ được số tài sản mà các bị cáo đã bán cho bà L. nên không có cơ sở xử lý bà L., nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thành P. và Lê Minh Q. phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Điều a, khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trần Thành P. 12 (*Mười hai*) tháng tù.

Áp dụng: Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt của bản án số 01/2019/HS-ST ngày 03/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Đ., tỉnh Quảng Nam và Quyết định thi hành án phạt tù số 16/2019/QĐ-CA ngày 12/02/2019 của Chánh án tòa án nhân dân thị xã Đ., tỉnh Quảng Nam, buộc bị cáo Trần Thành P. phải chấp hành chung của 02 bản án là **30 (*Ba mươi*)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 06/11/2018.

Áp dụng: Điều a, khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh Q. 15 (*Mười lăm*) tháng tù.

Áp dụng: Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt của bản án số 01/2019/HS-ST ngày 03/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Đ., tỉnh Quảng Nam và Quyết định thi hành án phạt tù số 12/2019/QĐ-CA ngày 19/02/2019 của Chánh án tòa án nhân dân thành phố N., tỉnh Quảng Nam, buộc bị cáo Lê Minh Q. phải chấp hành chung của 02 bản án là **30 (*Ba mươi*)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tự nguyện thi hành án, ngày 27/02/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Trần Thành P. và Lê Minh Q. liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Duy Q. số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), chia phần bị cáo Trần Thành P. bồi thường cho **ông Nguyễn Duy Q. 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm***

trăm ngàn đồng), bị cáo Lê Minh Q. bồi thường cho ông Nguyễn Duy Q. 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng). Buộc bị cáo Lê Minh Q. bồi thường cho ông Nguyễn D. 3.600.000 (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị cáo Trần Thành P. phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Minh Q. phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 305.000 đồng (Ba trăm lẻ năm ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/4/2019) bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hội An;
- Chi cục THADS thành phố Hội An;
- Bị cáo, những người TGTG khác;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Công an thành phố Hội An;
- UBND phường H., xã C.;
- Lưu HS-AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Như Biên